TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HS-PT
Ngày: 14-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Minh Tự

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung

Ông Ngô Đê

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Vũ Lăng, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hoàng- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số:17/2019/HSPT, ngày 26/4/2019 đối với bị cáo Phan Văn D.

Do có kháng cáo của bị cáo Phan Văn D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Minh T, ông Vũ Văn G đối với bản án hình sự sơ thẩm số:08/2019/HSST, ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh T.

-Bị cáo có kháng cáo:

Phan Văn D, sinh năm 1983 tại thành phố Biên H, tỉnh Đ; nơi cư trú: K4/162B, ấp T, phường B, thành phố B, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn B, sinh năm 1952 và bà Lê Thị T, sinh năm 1954; có vợ: Nguyễn Thị Diễn P, sinh năm 1984 ; Con có 02 người lớn nhất sinh năm 2002 nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 10/4/2018, đến ngày 01/3/2019 chuyển sang tạm giam cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

1/ Ông Vũ Văn G, sinh năm 1974. Nơi cư trú: ấp Bình T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền G (có mặt).

2/ Ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1984. Nơi cư trú: ấp tân T, xã B, huyện Ch, tỉnh Tiền G (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do không có kháng cáo, không có kháng nghị nên không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Phúc Sài Gòn (gọi là Công ty Hoàng P) do ông Lê Thanh T là giám đốc làm đại diện và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phan Huệ L (viết tắt Công ty TNHH MTV) do bị cáo Phan Văn D là giám đốc có ký kết làm ăn cụ thể như sau:

Ngày 25/12/2016 Công ty TNHH MTV Phan Huệ L có ký kết hợp đồng cho Công ty Hoàng P - Sài G thuê thiết bị thời hạn 6 tháng, do các bên vi phạm nội dung hợp đồng ghi trong hợp đồng nên phía Công ty TNHH MTV Phan Huệ L đã rút thiết bị trước hạn, phía Công ty Hoàng P - Sài G chưa thanh toán đủ tiền đã thuê thiết bị cho Công ty TNHH MTV Phan Huệ L. Để thu hồi khoản tiền này, bị cáo Phan Văn D tìm đến Công ty Hoàng P - Sài G và biết Công ty đang thi công công trình xử lý nước thải trên địa bàn thành phố T, tỉnh T và Công ty có kho chứa vật liệu công trình trên đất của bà Võ Thị Kim P, ở ấp Đầu B, xã Hòa T, huyện Châu T, tỉnh T không có người trông coi vào ban đêm, nên bị cáo D nảy sinh ý định lấy trộm số tấm tôn sắt đang tập kết tại đây bán để lấy tiền trừ số tiền Công ty Hoàng P - Sài G còn nợ và chi trả nợ cho bị cáo.

Để thực hiện ý định của mình, ngày 02/3/2018, bị cáo D đến nhà ông Nguyễn Văn T ngụ ấp Vĩnh H, xã Long Đ, thành phố T, tỉnh T hỏi thăm để tìm nơi tiêu thụ số tôn sắt định lấy trộm. Ông T giới thiệu em rễ ông là ông Nguyễn Văn K, ngụ ấp Vĩnh H, xã Long Đ thành phố T, tỉnh T. Tại nhà ông T, bị cáo D dựng lên câu chuyện để nói với ông K số tôn sắt bị cáo định bán là số tôn sắt bị cáo bán cho Công ty Hoàng P - Sài G, nhưng Công ty không thanh toán tiền cho bị cáo, nay bị cáo lấy lại bán để thu hồi nợ, ông K yêu cầu bị cáo D cung cấp hồ sơ để chứng minh nếu có nguồn gốc rõ ràng thì ông K sẽ mua. Ngày 03/3/2018, bị cáo D mang các giấy tờ bản pho to copy gồm: 01 hợp đồng kinh tế, 01 hợp đồng mua bán tôn sắt, một giấy báo công nợ giữa Công ty TNHH MTV Phan Huệ Long với Công ty Hoàng P - S. Với những tài liệu do bị cáo D đưa cho ông K đồng ý mua sắt của bị cáo với giá 5.200đồng/kg. Ông K yêu cầu bị cáo D liên hệ thuê xe để cẩu và vận chuyển sắt đưa về xã Bình Đ, huyện Ch, tỉnh Tiền Gi, chi phí thuê xe do ông K chịu trách nhiệm chi trả.

Ngày 06/3/2018, xe cẩu do bị cáo D thuê dùm ông Kđến thành phố Trà V, tỉnh T bị cáo D dẫn đường cho xe cẩu đến kho vật liệu của Công ty Hoàng P - Sài G cẩu lấy tôn sắt. Đồng thời, bị cáo liên hệ với ông K để nhận tôn sắt. Số tôn sắt bị cáo lấy trộm bán cho ông K gồm 11 tấm loại bảng barem, độ dày khoảng 1.2 cm, đặc điểm cụ thể như sau:

01 tấm kích thước chiều ngang 2,09m, chiều dài 3,39m;

01 tấm kích thước chiều ngang 2,01m, chiều dài 6,39m;

01 tấm kích thước chiều ngang 2,01m, chiều dài 5,64m;

01 tấm kích thước chiều ngang 2,01m, chiều dài 6,6m;

02 tấm kích thước chiều ngang 2m, chiều dài 5,71m;

01 tấm kích thước chiều ngang 1,56m, chiều dài 4m;

02 tấm kích thước chiều ngang 1,52m, chiều dài 6m;

02 tấm kích thước chiều ngang 1,99m, chiều dài 1,52m.

Bị cáo D và ông K chuyển số tôn sắt nói trên đến trạm cân Cảng Tiền G cân được 10.830 kg, trừ hao phần đất bám vào sắt 200kg nên số tôn sắt ông Khánh thanh toán cho bị cáo D là 10.630 kg với số tiền 55.276.000đồng, ông K trả tiền chẵn cho bị cáo là 55.300.000đồng. Sau đó, ông K bán tôn sắt lại cho ông Vũ Văn G, ngụ tại Bình T, Trung A, thành phố M, tỉnh Tiền G với giá 7.600 đồng/kg. Sau đó, ông Giao bán lại cho ông Huỳnh Minh T ngụ tại ấp Tân Thuận B, xã Bình Đức, huyện C, tỉnh Tiền Gi với giá 8.400đồng/kg, ông Thuận tiến hành vệ sinh đất bám và cân được 9.730 kg tương ứng với số tiền 81.732.000đồng. Ông T đưa số tôn sắt nói trên về kho dựa phế liệu tại nhà của ông Thuận.

Vào khoảng 6 giờ ngày 06/3/2018, ông Cao Quang T cư trú 22/2/16D, đường 21, phường 8, quận Gò V, thành phố Hồ Chí M là người quản lý vật tư xây dựng của Công ty Hoàng P – Sài G và ông Lê Văn Đ, cư trú tại Khu phố 5 Đông B, phường Quảng V, thành phố S, tỉnh Thanh H là cán bộ kỷ thuật của công ty đến kho để lấy vật liệu xây dựng của Công ty tại ấp Đầu B, xã H, huyện Châu T, tỉnh Trà V thì phát hiện bị mất trộm 11 tấm sắt, nên trình báo Công an xã Hòa T, huyện Châu T, tỉnh T.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện C, tỉnh T kết luận: Đối với 11 tấm tôn barem bằng kim loại với tổng trọng lượng 10.680 kg nêu trên, có tổng giá trị bằng 121.784.040 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2019/HSST ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu T đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phan Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phan Văn D 02 (hai) năm tù. Thời hại tù tính từ ngày 01/3/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu giải quyết, Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành cho các đương sự một vụ kiện dân sự khác nếu có yêu cầu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/3/2019, bị cáo Phan Văn D kháng cáo bản án sơ thẩm, xin giảm nhẹ hình phạt được hưởng án treo.

Cùng ngày 28/3/2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn G, ông Huỳnh Minh Th kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét buộc bị cáo Phan Văn D trả lại cho ông Thuận số tiền 55.276.000 đồng (năm mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Phan Văn D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm thể hiện là đúng. Bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt được hưởng án treo. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn Giao, ông Huỳnh Minh Tgiữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét buộc bị cáo Phan Văn Du trả lại cho ông T số tiền 55.276.000 đồng (năm mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng)

-*Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh*:

Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo Phan Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sư năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo. Về căn cứ kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không thõa mãn được. Đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn G, ông Huỳnh Minh T xét thấy việc mua bán tôn sắt giữa ông G và ông K là hợp đồng dân sự giữa ông G và ông K, không có liên quan đến bị cáo D. Do vậy, việc ông G và ông T yên cầu bị cáo trả lại số tiền bán tôn sắt cho ông T là không phù hợp. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phan Văn D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn G, ông Huỳnh Minh T. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Phan Văn D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Văn Giao, ông Huỳnh Minh Thuận là trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Phan Văn D. Hội đồng xử án xét thấy: Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Phan Văn Du có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của bị cáo, bị cáo biết rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, bởi vì tài sản hợp pháp của công dân là quyền bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm tài sản của người khác mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật. Trong vụ án này bị cáo không những xâm phạm đến tài sản của người bị hại, mà còn ảnh hưởng đến trật tự xã hội địa phương nơi bị cáo gây án, làm cho quần

chúng nhân dân không an tâm lao động sản xuất, làm ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn minh nhất là nhiều vụ trộm cắp tài sản của các công trình xảy ra ngày càng phức tạp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận vào ngày 06/3/2018 chính bị cáo là người trực tiếp dẫn đường cho xe cẩu vào kho của Công ty Hoàng Ph - Sài G để lấy trộm tôn sắt . Lời khai này phù hợp với những chứng cứ trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của phiên tòa sơ thẩm, nội dung cáo trạng. Xét thấy bị cáo, gây khó khăn cho Cơ quan tiến hành tố tụng khi Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Châu T, tỉnh T ra Quyết định số 02 ngày 27/12/2018 quyết định truy nã bị cáo (BL 269) đến ngày 01/3/2019, bị cáo bị Công an huyện Châu T, tỉnh T bắt bị cáo tại huyện Duyên H, tỉnh T. Từ đó bản án sơ thẩm quy kết bị cáo phạm tội điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Phan Văn D 02 (hai) năm tù là đã xem xét đánh giá một cách toàn diện, khách quan tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

[3] Đối với kháng cáo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn G, ông Huỳnh Minh T yêu cầu bị cáo Phan Văn D trả lại số tiền 55.276.000đồng mà ông G đã mua tôn sắt của ông K. Hội đồng xét xử xét thấy việc mua bán tôn sắt giữa ông G và ông K là hợp đồng dân sự giữa ông G với ông K, không có liên quan đến bị cáo D. Do vậy, việc ông K và ông T yêu cầu bị cáo D trả lại số tiền bán tôn sắt cho ông G là không phù hợp. Nên ông G có quyền yêu cầu ông K trả lại số tiền giao dịch dân sự giữa ông G và ông K. Riêng ông Kcó quyền yêu cầu bị cáo D hoàn trả lại số tiền giao dịch mua bán tôn sắt giữa ông Kvới bị cáo D. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ông K có đơn xin xét xử vắng mặt (BL 206, 247) và khi bản án sơ thẩm dành cho ông K 15 ngày để kháng cáo, đến nay đã hết hạn kháng cáo mà ông K không có yêu cầu gì đối với bị cáo D về số tiền mà ông K đã mua tôn sắt của bị cáo và ông K không có kháng cáo cũng không có ý kiến gì về việc yêu cầu bị cáo D hoàn trả số tiền 55.267.000đồng mà ông K đã đưa cho bị cáo.

Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc kháng cáo của ông G và ông Tkhông có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng ông G và ông T có quyền yêu cầu ông K hoàn trả lại số tiền mà các bên mua bán với nhau bằng một vụ kiện dân sự khác. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông G và ông T. Giữ nguyên bản án hình sư sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

[4] Đề nghị của Viện Kiểm sát xét xử phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên bị cáo Phan Văn D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và người có quyền lợi nghĩa vụ

liên quan ông Huỳnh Minh Thuận, ông Vũ Văn Giao phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Phan Văn D.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Minh T và ông Vũ Văn G.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2019/HSST, ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phan Văn D 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/3/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Không chấp nhận yêu cầu của ông Vũ Văn G và ông Huỳnh Minh T đòi bị cáo Phan Văn D trả 55.276.000đồng (năm mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) số tiền này nếu có tranh chấp ông T và ông G khởi kiện bằng vụ án dân sự theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo Phan Văn D phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm. Ông Huỳnh Minh T, ông Vũ Văn G mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003171; 0003172 ngày 09/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh T;
- TAND huyện Châu T
- VKSND huyện Châu T;
- CA huyện Châu T;
- CC THADS huyện Châu T;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Minh Tự